TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Triều**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Tống Nê**

2. Ông **Nguyễn Trí Chấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Phan Thanh Việt** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 582/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hồng N**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số A ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Trần Thị Hồng N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Tấn T chung sống với nhau từ năm 2009 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2010. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Bà N đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Do không còn tình cảm với ông T nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T, bà N không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 12/10/2009. Sau ly hôn, tuỳ nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi. Nếu con theo bà N thì bà N nuôi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nếu con theo ông T thì bà N đồng ý để ông T nuôi dưỡng con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2024 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 12/02/2025 ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông T thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Do không còn tình cảm với bà N nên ông T đồng ý ly hôn với bà N, ông T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 12/10/2009. Sau khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng phù hợp theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Ông T được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 12/10/2009, ghi nhận ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Hồng N và bị đơn ông Nguyễn Tấn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

2015. Bị đơn ông Nguyễn Tấn T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2010 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà N và ông T, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản xác minh ngày 12/02/2025, bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ ruột của ông Nguyễn Tấn T) trình bày: N và T cưới nhau vào năm nào thì tôi không nhớ rõ nhưng hai đứa có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn thì hai đứa sinh sống tại địa phương ở ấp T, xã T, quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là gì tôi không rõ. N và T có với nhau 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh N1. Về tài sản chung và nợ chung của hai đứa tôi không biết. Việc ly hôn của hai đứa tôi không có ý kiến, tôi để hai đứa tự quyết định (BL25). Bản thân bà N vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Ông Nguyễn Tấn T có lời trình bày đồng ý ly hôn với bà N, thống nhất các vấn đề về tài sản chung, nợ chung với N và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 12/10/2009. Điều này cho thấy bà N và ông T đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho bà N và ông T không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N và ông T là phù hợp quy định pháp luật. Bà N và ông T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 12/10/2009. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 19/11/2024 cháu N1 có mong muốn được sống với cha nếu cha mẹ ly hôn. Theo văn bản trình bày ý kiến, bà N đồng ý để ông T nuôi cháu N1 nếu cháu N1 có mong muốn sống cùng cha sau khi cha mẹ ly hôn, bà N sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó ông T cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật

nên được chấp nhận. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung nên giao Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 12/10/2009 cho ông Nguyễn Tấn T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Trần Thị Hồng N không cấp dưỡng nuôi con chung do ông T tự nguyện không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hai bên cùng khai không có nên Tòa án xét đến.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng N và ông Nguyễn Tấn T. Bà Trần Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hồng N và ông Nguyễn Tấn T chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Trần Thị Hồng N, ông Nguyễn Tấn T không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Tấn T được nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh N1, sinh ngày 12/10/2009. Bà Trần Thị Hồng N không cấp dưỡng nuôi con chung do ông T tự nguyện không yêu cầu.

Bà Trần Thị Hồng N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên cùng khai không có nên Tòa án xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng N phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0006235 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. bà Trần Thị Hồng N đã nộp xong án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Phú;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Triều